UBND XÃ HƯƠNG BÌNH **TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /TB-HCC	*Hương Bình, ngày 12 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc công khai mức thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hương Bình

Nhằm bảo đảm công khai, minh bạch các khoản thu khi thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân chủ động tìm hiểu và thực hiện nghĩa vụ tài chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hương Bình thông báo công khai mức thu phí, lệ phí đối với một số thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được tiếp nhận, giải quyết tại Trung tâm, cụ thể như sau: *(Có phụ lục kèm theo)*

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hương Bình thông báo để Nhân dân, các tổ chức, cá nhân biết, chủ động tìm hiểu và thực hiện. Trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, nếu có vướng mắc hoặc cần được hướng dẫn cụ thể về mức thu, đối tượng miễn, giảm, đề nghị liên hệ Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hương Bình để được giải đáp./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: HCC.

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)

U.B.N.D XÃ HƯƠNG BÌNH T. HÀ TĨNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Lê Thị Thắm

PHỤ LỤC PHÍ, LỆ PHÍ *(Kèm theo Thông báo số /TB-HCC ngày 12/11/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hương Bình.*

STT	Nội dung thu	Mức phí	Mức lệ phí
I	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC** ***(Quy định tại Thông tư 226/2016/TT-BTC)***		
1	Chứng thực bản sao từ bản chính	2.000 đồng/trang; từ trang thứ ba trở lên 1.000 đồng/trang, tối đa 200.000 đồng/bản	
2	Chứng thực chữ ký	10.000 đồng/trường hợp	
3	Chứng thực hợp đồng, giao dịch *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản.	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
II	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH** ***(Quy định tại Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 172/2025/NQ-HĐND)***		
1	**Đăng ký hộ tịch trong nước** *Từ ngày 01/7/2026, mức thu khi nộp hồ sơ trên môi trường mạng thực hiện như mức thu khi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp có quy định khác.*		
1.1	Đăng ký khai sinh quá hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân; đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		10.000 đồng
1.2	Đăng ký khai tử quá hạn; đăng ký lại khai tử; đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		10.000 đồng
1.3	Đăng ký lại kết hôn *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		10.000 đồng
1.4	Nhận cha, mẹ, con *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ		20.000 đồng

STT	Nội dung thu	Mức phí	Mức lệ phí
	tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		
1.5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		10.000 đồng
1.6	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		10.000 đồng
1.7	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		10.000 đồng
1.8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		10.000 đồng
2	**Đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài**		
2.1	Đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai sinh quá hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		60.000 đồng
2.2	Đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử quá hạn; đăng ký lại khai tử *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		60.000 đồng
2.3	Đăng ký kết hôn; đăng ký lại kết hôn *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		1.000.000 đồng
2.4	Nhận cha, mẹ, con *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng,		1.000.000 đồng

STT	Nội dung thu	Mức phí	Mức lệ phí
	người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		
2.5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		20.000 đồng
2.6	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		50.000 đồng
2.7	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		60.000 đồng
2.8	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.		60.000 đồng
III	**LĨNH VỰC KINH DOANH** ***(Lệ phí đăng ký kinh doanh quy định tại Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 172/2025/NQ-HĐND)***		
1	Đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Thực hiện đăng ký hộ kinh doanh qua mạng điện tử.		50.000 đồng
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Thông báo tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh; chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh; bổ sung, thay đổi thông tin do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà; thực hiện đăng ký hộ kinh doanh qua mạng điện tử.		50.000 đồng
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		30.000 đồng
IV	**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI** ***(Quy định tại Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 136/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 172/2025/NQ-HĐND)***		
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân tại khu vực nông thôn		

STT	Nội dung thu	Mức phí	Mức lệ phí
1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Hộ nghèo.	Trực tiếp/qua bưu chính: 70.000 đồng/hồ sơ Trên môi trường mạng: 35.000 đồng/hồ sơ	
2	Cấp đổi giấy chứng nhận đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Hộ nghèo; cấp đổi giấy chứng nhận do thực hiện chủ trương của tỉnh về dồn điền đổi thửa, tích tụ, tập trung ruộng đất.	Trực tiếp/qua bưu chính: 70.000 đồng/hồ sơ Trên môi trường mạng: 35.000 đồng/hồ sơ	
3	Cấp lại giấy chứng nhận đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất	Trực tiếp/qua bưu chính: 70.000 đồng/hồ sơ Trên môi trường mạng: 35.000 đồng/hồ sơ	
4	Cấp giấy chứng nhận gắn với chuyển quyền sử dụng đất đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất	Trực tiếp/qua bưu chính: 70.000 đồng/hồ sơ Trên môi trường mạng: 35.000 đồng/hồ sơ	
5	Cấp giấy chứng nhận gắn với gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất	Trực tiếp/qua bưu chính: 70.000 đồng/hồ sơ Trên môi trường mạng: 35.000 đồng/hồ sơ	
6	Đăng ký biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Hộ nghèo; đăng ký biến động do thay đổi địa giới, tên gọi đơn vị hành chính, sáp nhập thôn, xã, phường, thị trấn, huyện, thành phố, thị xã hoặc do Nhà nước thu hồi một phần thửa đất hoặc do sạt lở tự nhiên.	Trực tiếp/qua bưu chính: 60.000 đồng/hồ sơ Trên môi trường mạng: 30.000 đồng/hồ sơ	
7	Đính chính giấy chứng nhận đã cấp do lỗi người sử dụng đất đối với trường hợp Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Hộ nghèo; đính chính giấy chứng nhận do lỗi của cơ quan nhà nước.	Trực tiếp/qua bưu chính: 60.000 đồng/hồ sơ Trên môi trường mạng: 30.000 đồng/hồ sơ	
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân tại khu vực nông thôn. *Từ ngày 01/7/2026, mức thu khi nộp hồ sơ trên môi trường mạng thực hiện như mức thu khi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, trừ trường hợp có quy định khác.*		
1	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất *Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm:* Hộ nghèo.		50.000 đồng/lần, giấy

STT	Nội dung thu	Mức phí	Mức lệ phí
2	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Hộ nghèo; cấp đổi giấy chứng nhận do thực hiện chủ trương của tỉnh về dồn điền đổi thửa, tích tụ, tập trung ruộng đất.		25.000 đồng/lần, giấy
3	Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chứng nhận quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất		12.500 đồng/lần, giấy
4	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chứng nhận quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất		7.500 đồng/lần, giấy
5	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai Các trường hợp được miễn phí/lệ phí gồm: Hộ nghèo; đăng ký biến động do thay đổi địa giới, tên gọi đơn vị hành chính, sáp nhập thôn, xã, phường, thị trấn, huyện, thành phố, thị xã hoặc do Nhà nước thu hồi một phần thửa đất hoặc do sạt lở tự nhiên.		12.500 đồng/lần, giấy
6	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính		7.500 đồng/lần, giấy